



1	LEDK
2	LEDA
3	GND
4	VCC
5	R0
6	R1
7	R2
8	R3
9	R4
10	R5
11	R6
12	R7
13	G0
14	R1
15	G2
16	G3
17	G4
18	G5
19	G6
20	G7
21	B0
22	B1
23	B2
24	B3
25	B4
26	B5
27	B6
28	B7
29	GND
30	CLK
31	DISP
32	HSYNC
33	VSYNC
34	DEN
35	NC
36	GND
37	XR
38	YD
39	XL
40	YU

LCD型号/类型/分辨率	4.3/1IPS/480*272
视角方向	ALL
偏光片	上磨0° /下光90°
驱动IC	NV3047
LED颗数/连接方式/电流	12-LED/4串3并60mA 双芯灯

HUA XIAN JING Display Limited						
www.huaxianjing.com						
PART DESCRIPTION	LCM	UNIT	SCALE	3rd ANGLE	SIZE	SHEET NUMBER
DESIGNED		mm	1.00		A4	1 of 1
CHECKED		PART NUMBER				DRAWING REV.
APPROVED		MODEL NAME				PART NUMBER VER.
		TFT043B072				N/A

REV	SIGN	DESCRIPTION	PIC	DATE
A		首次发行	xw	2020.6.30

- 技术要求:
- 带*尺寸为重点尺寸,带()尺寸为参考尺寸
 - LCD切割断面崩边≤1/3(单层LCD厚度)
 - 平面翘曲度≤0.35mm
 - 符合RoHS指令
 - 工作温度: -20℃~70℃
 - 储存温度: -30℃~80℃
 - 建议TP V.A开窗比LCD A.A单边大0.4mm
 - 泡棉开窗比LCD A.A单边大0.3mm

